TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 669/2023/HC-PT
Ngày: 07/9/2023
V/v khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyển;

Các Thẩm phán: Ông Phùng Hải Hiệp;

Ông Đặng Đình Lực.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Triệu Hương Thùy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội***: Ông Lê Đỗ Quyên - Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2023 tại điểm cầu trung tâm: Phòng xét xử trực tuyến (số IV) – Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Điểm cầu thành phần: Phòng xét xử trực tuyến – Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hành chính thụ lý số 413/2022/TLPT-HC ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc *"khiếu kiện quyết định hành chính"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 08/2022/HC-ST ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 9749/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Ông Bùi Quang Q, sinh năm 1955 và bà Bùi Thị T, sinh năm 1962; địa chỉ: Khu dân cư S, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Hà Mạnh H và Luật sư Nguyễn Thị Minh N, Công ty L2, thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Luật sư H có mặt, Luật sư N vắng mặt.

**** Người bị kiện:*** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:**

1. Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Cụ Nguyễn Đình B (đã chết năm 2022);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ B*:*

2.1. Ông Nguyễn Đình G, sinh năm 1960; địa chỉ: Số nhà A, phố Đ, khu G, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2.2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1957; địa chỉ: Phòng A, Tòa nhà G, khu H, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

2.3. Bà Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1962 (đã chết năm 2000);

2.4. Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ D, khu M B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Đình T1; địa chỉ: Số B đường N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị T2; địa chỉ: Số A đường C, khu A, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Đ; địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị T3; địa chỉ: Số B N, cụm D, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

7. Cụ Bùi Thị T4 (đã chết ngày 21/6/2022).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ T4*:* Ông Nguyễn Đình T1, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị Đ bà Nguyễn Thị T3.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C*, ông* L*, bà* T2*, bà* Đ*, bà* T3*:* Ông Dương Văn H1, sinh năm 1970; địa chỉ: Số C đường C, khu dân cư N, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày:

Ông Bùi Quang Q và bà Bùi Thị T sử dụng thửa đất số 09, tờ Bản đồ số 33, thuộc khu dân cư S, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương có nguồn gốc là của bố mẹ đẻ ông Q là cụ Bùi Quang T5 (chết năm 1973) và cụ Nguyễn Thị M (chết năm 2004). Khoảng năm 1983, ông Q được bố mẹ đẻ chia cho thửa đất này (được tặng cho bằng miệng) và đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất từ khi thiết lập Bản đồ đo đạc theo Chỉ thị 299. Hiện nay, các anh em của ông Q đều xác định nhà đất đã tặng cho vợ chồng ông Q và không có ý kiến gì khác. Vợ chồng ông Q sử dụng ổn định và có đóng thuế theo quy định. Trên thửa đất có 01 căn nhà mái bằng 01 tầng xây năm 1988 sau đó năm 1999 thì vợ chồng ông xây thêm 01 gian nhà trên tầng 2; 01 gian nhà bếp xây dựng năm 2006 nối tiếp với căn nhà; 01 hố xí tro xây dựng sau trận lụt năm 1971.

Giáp ranh với thửa đất của gia đình ông Q, bà T về phía Tây Nam là thửa đất số 10 của cụ Nguyễn Đình T6 và cụ Nguyễn Đình B. Cụ T6, cụ B cho rằng gia đình ông Q, bà T đã lấn chiếm đất ao của họ nên đã yêu cầu UBND huyện G xem xét giải quyết. Ngày 31/3/2021, Chủ tịch UBND huyện G đã ban hành Quyết định giải quyết đơn số 753/QĐ-UBND *(sau đây viết tắt là Quyết định số 753)* có nội dung buộc ông Q phải trả lại 29,8m^2 đất đã lấn chiếm của cụ T6, cụ B và trả lại 2,4m^2 đất cho UBND thị trấn G để sử dụng vào mục đích giao thông. Ông Q, bà T không đồng ý với Quyết định số 753 của Chủ tịch UBND huyện G vì lý do:

Thứ nhất, gia đình ông Q vẫn còn mốc giới lịch sử có từ trước năm 1980 là nhà xí tro xây dựng năm 1971 và hàng bụi cây mai trồng từ năm 1970 trở về trước để ngăn cách giáp ranh giữa hai thửa đất. Bản đồ năm 2004 giữa các hộ giáp ranh đã xác định mốc giới thửa đất trong đó có chữ ký của cụ T6. Như vậy, khẳng định số liệu đo đạc năm 1980 là không chính xác và gia đình ông Q, bà T không lấn chiếm đất như trong kết luận của Đ1 xác minh và Quyết định số 753. Khi Đ1 xác minh của Phòng tài nguyên và môi trường huyện G về đo đạc hiện trạng sử dụng đất vào ngày 5/10/2020, Đoàn chỉ đo diện tích thửa đất của gia đình ông Q, bà T mà không đo diện tích nhà cụ T6, cụ B. Đồng thời, Đ1 cũng không lập biên bản khi gia đình ông Q, bà T đưa ra các chứng cứ về mốc giới mà đến ngày 15/12/2020 mới yêu cầu đến nghe thông báo về kết quả đo đạc thửa đất.

Thứ hai, Quyết định số 753 chỉ căn cứ vào báo cáo và đề nghị của Đoàn xác minh mà không căn cứ vào các giấy tờ theo quy định của pháp luật để giải quyết tranh chấp đất đai. Mặt khác, thửa đất của gia đình ông Q, bà T là đất liền thổ còn nhà cụ T6, cụ B là ao nên theo nguyên lý thường ao làm sạt lở đất liền. Diện tích đất ao của cụ B, cụ T6 có 01 cạnh liền kề với thửa đất nhà ông Q, bà T; còn ba cạnh còn lại giáp đường đi của xóm. Theo Bản đồ năm 1980 và 2004 cả hai thửa đất của nhà ông Q, bà T và ao của nhà cụ T6, cụ B đều có diện tích dôi dư nhưng chỉ gia đình ông Q, bà T phải trả lại đất còn nhà cụ T6, cụ B lại không phải trả lại, ba cạnh còn lại của diện tích ao lại không được xem xét đến. Theo Quyết định số 753 thì diện tích đất ao của cụ T6, cụ B tăng lên 5m^2 đất so với hồ sơ năm 1980 và tăng 20,6m^2 đất so với hồ sơ năm 2004. Hình dạng ao cũng thay đổi. Quyết định số 753 cũng xác định gia đình ông Q, bà T lấn chiếm 2,4m^2 đất tập thể nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh.

Thứ ba, việc giải quyết đơn vượt quá thời hạn 45 ngày là vi phạm thời hạn giải quyết theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 61 Nghị định 01/2017/NĐ-CP quy định về giải quyết tranh chấp đất đai.

Căn cứ vào các lý do nêu trên, ông Q, bà T đã làm đơn khởi kiện đến TAND tỉnh Hải Dương yêu cầu giải quyết: Hủy Quyết định số 753 của Chủ tịch UBND huyện G vì có sai phạm nghiêm trọng về trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp và nội dung không có căn cứ.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện G *trình bày:* Không nhất trí yêu cầu hủy Quyết định số 753 vì khi ban hành Quyết định này Chủ tịch UBND huyện G đã căn cứ Điều 89 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; mục 5 Điều 166, mục 1

Điều 170, mục 2, 3, 4 Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Mặt khác, khi giải quyết tranh chấp giữa các bên đã căn cứ vào Hồ sơ 299 được lập theo Chỉ thị 299 ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ để giải quyết. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND thị trấn G *trình bày:* Ngày 09/3/2020, UBND huyện G có thông báo chuyển đơn của gia đình cụ Nguyễn Đình T6 đề nghị giải quyết về việc tranh chấp đất đai với hộ ông Bùi Quang Q tới UBND thị trấn G. Ngày 19/3/2020, UBND thị trấn G tổ chức buổi hòa giải theo đơn đề nghị của công dân, tuy nhiên buổi hòa giải không thành. Ngày 14/8/2020, UBND huyện G ban hành Quyết định số 2759/QĐ-UBND thành lập đoàn xác minh. Ngày 31/3/2021, UBND huyện G ban hành Quyết định số 753 về việc giải quyết đơn kiến nghị. Ngày 20/10/2021, UBND thị trấn G phối hợp với Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện G thành lập tổ công tác xuống thực địa để cắm mốc giới và bàn giao diện tích đất cho các hộ theo Quyết định số 753. Tại buổi làm việc, ông Bùi Quang Q yêu cầu dừng việc cắm mốc giới vì ông đã có đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. UBND thị trấn G đề nghị Tòa án căn cứ tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đình T1 *cùng cụ cụ* Nguyễn Đình B *(chết năm 2022), cụ* Bùi Thị T4 *(chết ngày 21/6/2022), bà* Nguyễn Thị T2, *bà* Nguyễn Thị Đ, *bà* Nguyễn Thị T3 *thống nhất trình bày:* Cụ Nguyễn Đình T6 đã chết cuối năm 2020. Những người thừa kế của cụ T6 bao gồm vợ là cụ T4, các con là bà T2, bà Đ, bà T3 và ông T1. Ông T1 nhất trí với Quyết định 753 của Chủ tịch UBND huyện G với lý do: Thửa đất của cụ T6, cụ B được thừa kế của cha ông. Năm 1981, UBND xã N đã tiến hành đo vẽ hiện trạng thửa đất để lập Bản đồ 299. Sau khi đo vẽ, gia đình ông Q liên tục có hành vi lấn chiếm sang phần ao cụ T6, cụ B nên gia đình ông T1 có đơn đề nghị Chủ tịch UBND huyện giải quyết tranh chấp nhưng không được giải quyết. Đến tháng 11/2017, cụ T6 làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương về hành vi không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện G và được giải quyết tại Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2019/HC-ST ngày 28/6/2019 theo đó buộc UBND huyện giải quyết tranh chấp đất đai. Ông T1 xác định phần đất tranh chấp có diện tích 29,8m^2 thuộc thửa đất do cụ T6, cụ B quản lý. Hiện nay, phần diện tích đất tranh chấp gia đình ông Q, bà T đã xây dựng tường. Do đó, ông T1 đề nghị Tòa án xem xét bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Q, bà T.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Hữu L1 (nguyên phó Chủ tịch hợp tác xã) và ông Bùi Quang P (nguyên trạm trưởng trạm y tế xã) đều là hàng xóm của gia đình cụ T6, ông Q có lời khai xác định: Hố xí tro, tường đắp đất và bụi tre đã có từ năm 1972, sau đó đến năm 1979 - 1980 gia đình ông Q đã xây dựng lại hố xí, tường như hiện nay. Đề nghị Tòa án xác định mốc giới gia đình ông Q như hiện tại, không có sự thay đổi về kích thước.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2022/HC-ST ngày 15 tháng 7 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 59, Điều 193, Điều 194, Điều 348 Luật Tố tụng Hành chính; Căn cứ khoản 1 Điều 175 Bộ luật Dân sự; Điều 100, khoản 5 Điều 166, khoản 1 Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai 2013; khoản 4 Điều 88, Điều 89 Nghị Định 43/2014 ngày 15/5/2014 và Điều 28, Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương; Nghị quyết số 326 UBTVQH14 về án lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quang Q và bà Bùi Thị T; Hủy Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện G.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/8/2022, người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do:

- Hộ gia đình ông Q và cụ T6, cụ B không thể thỏa thuận được với nhau về việc tranh chấp phần đất lấn chiếm mặc dù đã được UBND thị trấn G và UBND huyện G hòa giải nhiều lần; Để xác định nhà hố xí tro, bức tường được xây dựng từ thời gian 1971-1972 thì chỉ có duy nhất cụ M là người trực tiếp xây dựng mới xác định chính xác nhất nhưng cụ M đã chết năm 2004; Cụ P, cụ L1 là người đã rất cao tuổi, trí nhớ lẫn lộn lại không trực tiếp xây dựng nhà xí tro, bức tường, không trồng cây và không có mối liên hệ nào với các công trình, tài sản của cụ M và không đưa được tài liệu nào để chứng minh cho lời khai xác định công trình được hình thành từ năm 1971-1972; Bản thân ông Q thời điểm đó nhỏ tuổi, chỉ được nghe cụ M kể lại; Do đó, chỉ có thể tiến hành trưng cầu giám định để xem xét xác định thời gian xây dựng nhà xí tro, bức tường và trồng bụi cây mới đảm bảo tính khách quan. Tuy nhiên, khi xảy ra tranh chấp hai bên không yêu cầu trưng cầu giám định, Chủ tịch UBND huyện G không có thẩm quyền tiến hành trưng cầu giám định theo Điều 175 Bộ luật dân sự để giải quyết tranh chấp. Như vậy, không có tài liệu nào chính xác và khách quan để xác định các công trình xây dựng nêu trên hình thành từ trước khi có sổ mục kê, trích lục đo vẽ theo Bản đồ 299.

- Tại sổ mục kê, Bản đồ địa chính qua các thời kỳ xác định diện tích đất của ông Q liên tục tăng lên, phần giáp ranh với hộ cụ T6, cụ B liên tục lồi rộng ra không còn giữ nguyên hình thể giáp ranh như Trích lục đo vẽ năm 1981; trong khi 03 cạnh còn lại của thửa đất không xảy ra tranh chấp, sử dụng ổn định và không có sự biến đổi về hình thể, ranh giới. Diện tích của cụ T6, cụ B liên tục giảm và bị lõm vào theo trích lục đo vẽ các năm.

- Khi giải quyết tranh chấp, UBND huyện G đã đo vẽ và số hóa các cạnh thửa đất của hộ gia đình ông Q để xác định ông Q lấn chiếm đất của cụ T6, cụ B là có căn cứ, trong khi Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ dựa trên cơ sở ông Q chỉ đến đâu thì đo vẽ xác định đến đó nên không chính xác và khách quan.

Ngày 29/7/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đình T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do bản án sơ thẩm hủy Quyết định số 753 là không đảm bảo khách quan, không

chính xác và vô căn cứ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông T1.

Ngày 27/7/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-HC ngày 27/7/2022 với nội dung:

Quyết định số 753 của Chủ tịch UBND huyện G tuy vượt quá thời hạn giải quyết nhưng nội dung giải quyết đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Đối với các tài sản trên phần đất lấn chiếm thấy rằng quá trình giải quyết tranh chấp các bên không yêu cầu UBND huyện G giải quyết các tài sản trên phần đất tranh chấp. Do vậy, Quyết định số 753 xác định ông Q, bà T lấn chiếm đất của cụ T6, cụ B là có cơ sở, được chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập, xác minh, đánh giá chứng cứ một cách toàn diện làm rõ các mốc thời gian hình thành nhà xí tro, cây cối và thời gian xảy ra tranh chấp hai bên, mà chỉ căn cứ duy nhất lời khai của 02 nhân chứng (87 và 90 tuổi) xác định các công trình nhà tro xí, cây cối được hình thành trên 30 năm để áp dụng khoản 1 Điều 175 Bộ luật Dân sự làm căn cứ hủy toàn bộ Quyết định số 753 làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, vi phạm khoản 2 Điều 84; Điều 95 Luật Tố tụng Hành chính.

Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các đương sự, kháng nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện G có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đình T1 giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đình G và người đại diện theo ủy quyền của bà C, ông L, bà T2, bà Đ, bà T3 là ông Dương Văn H1 đồng ý với kháng cáo của các đương sự và kháng nghị của Viện kiểm sát, đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên kháng nghị phúc thẩm, sau khi tóm tắt nội dung vụ án đã phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án và xác định việc UBND huyện G ban hành Quyết định số 753 có nội dung phù hợp quy định pháp luật. Việc ông Bùi Quang Q yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 753 là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận kháng cáo, chấp nhận kháng nghị phúc thẩm, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại do phải thu thập chứng cứ mới quan trọng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ngày 06/10/2021, ông Bùi Quang Q có đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu hủy Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện G là quyết định hành chính bị kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính 2015.

Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo về thời hiệu và điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015 và khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND thị trấn G vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Đình B là ông Nguyễn Đình L, bà Nguyễn Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Bùi Thị T4 là bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị T3 vắng mặt nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền; xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính 2015, Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định tiếp tục xét xử.

[2]. Xét kháng cáo của Chủ tịch UBND huyện G và ông Nguyễn Đình T1 và kháng nghị của Viện kiểm sát, HĐXX thấy:

[2.1]. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn ban hành Quyết định số 753 của Chủ tịch UBND huyện G:

Căn cứ Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 22; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 88; Điều 89 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các bên đương sự không có GCNQSD đất và không có một trong các giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật đất đai thì UBND cấp huyện có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong trường hợp đương sự nộp đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp nên UBND huyện G giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các đương sự trong vụ án này là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết tranh chấp, ngày 14/8/2020, Chủ tịch UBND huyện G ban hành Thông báo về thụ lý đơn của cụ T6, yêu cầu UBND thị trấn G thực hiện việc hòa giải tranh chấp đất đai, thành lập Đoàn xác minh, thu thập các tài liệu, trích lục Bản đồ địa chính qua các thời kỳ. Trên cơ sở báo cáo của Đoàn xác minh, ngày 31/3/2021 Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định số 753. Mặc dù Chủ tịch UBND huyện G có vi phạm về thời hạn giải quyết tranh chấp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 61 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nhưng vẫn tuân thủ đúng quy định về thẩm quyền và đảm bảo đúng trình tự, thủ tục.

[2.2]. Xét tính hợp pháp về nội dung của Quyết định 753:

Quyết định số 753 của Chủ tịch UBND huyện G chỉ căn cứ vào Báo cáo kết quả xác minh của Đoàn xác minh, căn cứ vào Bản đồ 299, Bản đồ đo vẽ hiện trạng năm 2004 và Bản đồ hiện trạng sử dụng đất của hai thửa đất để xác định gia đình ông Bùi Quang Q lấn chiếm 29,8m^2 đất của cụ Nguyễn Đình T6, cụ Nguyễn Đình B, lấn chiếm 2,4m^2 đất của UBND thị trấn G. Ngoài ra Quyết định số 753 không căn cứ vào tài liệu nào khác.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất, các công trình, cây trồng trên diện tích đất tranh chấp của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xác định: Trên phần diện tích 29,8m^2 đất và 2,4m^2 đất mà Chủ tịch UBND huyện G xác định ông Q lấn chiếm đã tồn tại công trình phụ, tường bao gia đình ông Q đã xây dựng khoảng năm 1971 - trước thời điểm thực hiện việc đo vẽ Bản đồ theo Chỉ thị 299 năm 1981, sau đó đến khoảng năm 1979 - 1980 sửa chữa và xây dựng lại đúng trên nền công trình cũ. Phù hợp với mốc giới giữa hai gia đình là những cây lâu niên (nhãn, vối....), bụi cây mai do gia đình ông Q trồng. Phần diện tích của cụ B, cụ T6 sử dụng là đất ao, đến năm 2016 mới san lấp.

Ngoài ra, lời khai của người làm chứng là ông Nguyễn Hữu L1 (nguyên phó Chủ tịch hợp tác xã) và ông Bùi Quang P (nguyên trạm trưởng trạm y tế xã) đều là hàng xóm của gia đình cụ T6, ông Q đều xác định: Hố xí tro, tường đắp đất và bụi tre của nhà ông Q đã có từ năm 1972, sau đó đến năm 1979 - 1980 gia đình ông Q đã xây dựng lại hố xí, tường như hiện nay và khẳng định mốc giới của gia đình ông Q như hiện tại, không có sự thay đổi về kích thước. Các lời khai của người làm chứng và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương cơ bản phù hợp với lời trình bày của Người khởi kiện.

Tuy nhiên, khi giải quyết tranh chấp đất đai giữa gia đình ông Bùi Quang Q với gia đình cụ Nguyễn Đình T6 và cụ Nguyễn Đình B, Chủ tịch UBND huyện G chỉ đối chiếu, so sánh diện tích hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông Q với Bản đồ 299 từ đó xác định gia đình ông Q lấn chiếm đất và tính diện tích đất lấn chiếm là chưa đủ căn cứ vững chắc vì hình thể thửa đất của hai gia đình đều có sự thay đổi so với Bản đồ 299. So với Bản đồ 299 thì thửa đất của cụ T6, cụ B không chỉ thay đổi về phía nhà ông Q mà còn thay đổi ở các cạnh khác của thửa đất.

Để có đủ căn cứ giải quyết tranh chấp, xác định có việc vợ chồng ông Q lấn chiếm đất hay không thì ngoài việc so sánh, đối chiếu các Bản đồ, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ, cần phải thu thập các chứng cứ khác như lời khai của những người làm chứng, các ranh giới, mốc giới lịch sử như công trình xây dựng, cây cối trên đất... Chính đại diện UBND huyện G và những người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như ông Q, ông G... cũng đều xác định là cần thiết phải giám định tuổi cây cối và các công trình xây dựng trên đất tranh chấp và họ cho rằng nghĩa vụ thu thập các chứng cứ này thuộc về Tòa án. Nhưng cần lưu ý rằng, đây là vụ án hành chính, quan hệ tranh chấp được xác định là khiếu kiện quyết định hành chính, Tòa án chỉ có thẩm quyền và nghĩa vụ xem xét trình tự, thủ tục, thẩm quyền, căn cứ ban hành Quyết định hành chính mà không có thẩm quyền và nghĩa vụ xem xét, xác định quyền sử dụng đất là của ai.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định, trong quá trình giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất (chưa được cấp GCNQSD đất), Chủ tịch UBND huyện G không xem xét ranh giới, mốc giới lịch sử của thửa đất, không xem xét quá trình sử dụng đất, không xem xét các cây trồng, công trình xây dựng trên đất và hiện trạng sử dụng đất của các bên đương sự làm căn cứ giải quyết tranh chấp là không đầy đủ, không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q, bà T nên đã quyết định hủy Quyết định số 753 của Chủ tịch UBND huyện G là có căn cứ.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, kháng nghị của mình nên HĐXX không chấp nhận đề nghị của những người kháng cào và đại diện của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội mà cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Chủ tịch UBND huyện G và ông Nguyễn Đình T1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của Chủ tịch UBND huyện G, tỉnh Hải Dương và ông Nguyễn Đình T1; bác kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương; Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2022/HC-ST ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

2. Chủ tịch UBND huyện G, tỉnh Hải Dương phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0001365 ngày 18/9/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Xác nhận Chủ tịch UBND huyện G, tỉnh Hải Dương đã thi hành xong án phí hành chính phúc thẩm.

Ông Nguyễn Đình T1 phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0001144 ngày 29/7/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Xác nhận ông Nguyễn Đình T1 đã thi hành xong án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Tuyển